

PHẦN I: LỊCH SỬ TRANG PHỤC

Phần 1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về Lịch sử trang phục; những vấn đề cần nghiên cứu của môn Lịch sử trang phục; Trang phục – bản sắc văn hóa dân tộc; Trang phục Việt Nam qua các thời kỳ; Trang phục phương tây; và tên tuổi của những nhà thiết kế trong và ngoài nước. Từ đó giúp người học có cái nhìn tổng thể về sự kết nối giữa trang phục thời xưa và trang phục thời nay.

Chương I: TRANG PHỤC - BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC

Chương I: Trang phục – bản sắc văn hóa dân tộc. Là toàn bộ những phong tục tập quán của một cộng đồng người cùng sống trên một lãnh thổ có cùng ngôn ngữ, có những truyền thống được đúc kết trong quá trình lịch sử lâu dài được duy trì và phát huy tạo ra một nét riêng, một phong cách riêng của một dân tộc. Sự phát triển văn hóa mặc của người Việt luôn thể hiện những đặc trưng của trang phục cư dân vùng nhiệt đới nóng ẩm phương Nam.

I. KHÁI NIỆM

Trang phục là gì ? (hình 1.1)



Hình 1.1. Trang phục

Là những vật dụng mà con người mang, khoác lên cơ thể với mục đích bảo vệ cơ thể và làm đẹp cho cơ thể, ở mỗi thời điểm khác nhau, hoàn cảnh khác nhau trang phục còn có ý nghĩa khác nhau.

Thường khi nói đến trang phục người ta nghĩ đến quần áo vì nó chiếm một tỉ lệ lớn

trên cơ thể mà nó còn đi kèm theo những phụ trang khác như nón, giày, vớ, túi xách, khăn choàng, thắt lưng, nó có chức năng làm tăng thêm vẻ đẹp cho người mặc. Ngoài ra nó còn kết hợp với trang sức như vòng kiềng, bông tai, dây chuyền, đồng hồ, nhẫn.....

II. BẢN SẮC VĂN HOÁ DÂN TỘC

1. Khái niệm

1.1. Dân tộc (hình 1.2)

Là cộng đồng người cùng sống trên một vùng đất nào đó, có những đặc trưng chung về kinh tế, văn hoá, tiếng nói và tâm lý trong đó văn hoá, tiếng nói, chữ viết là cái nổi rõ để nhận biết và phân biệt dân tộc này với dân tộc khác.

Nói tới văn hoá dân tộc, là nói tới một lĩnh vực thật phong phú và đa dạng từ ăn, mặc, ở, cách thức làm ăn, đi lại, vui chơi, ca hát, hội hè, cưới xin, thờ cúng, ma chay,



Hình 1.2. Nếp sống làng quê Việt Nam

1.2. Bản sắc

Người ta thường nói đến bản lĩnh và bản sắc dân tộc.

- Bản lĩnh tức là sức sống, sức vươn lên của một cá nhân hay cả một dân tộc, mà cá nhân hay dân tộc đó có đầy đủ nhân cách, tài năng và trí tuệ để quyết định mọi hành động của mình một cách vững vàng và kiên định.

- Bản sắc là cái biểu hiện muôn màu muôn vẻ của bản lĩnh ra ngoài thành sắc thái, đặc trưng, dáng vẻ riêng, phân biệt dân tộc này với dân tộc khác. Bản sắc văn hoá dân tộc được biểu hiện ở mọi khía cạnh của đời sống vật chất và tinh thần của con người. Tuy nhiên, tùy theo từng lĩnh vực văn hoá, mà bản sắc dân tộc tiềm ẩn bên trong hay lộ rõ ra bên ngoài .

Trong trường kỳ lịch sử, do tiếp xúc và giao lưu với các dân tộc láng giềng, có lĩnh vực văn hoá biến đổi nhiều, giữ lại đôi nét sắc thái riêng của mình, nhưng ngược lại, có lĩnh vực văn hoá lại bảo lưu khá bền chặt, có lúc có nơi hầu như nguyên vẹn.

Cùng với quá trình dựng nước và giữ nước, nền văn hoá Việt Nam đã hình thành và phát triển bằng lao động sáng tạo và ý chí đấu tranh bền bỉ, kiên cường, nhân dân ta đã xây đắp nên một nền văn hoá kết tinh sức mạnh và in đậm dấu ấn bản sắc của dân tộc, chứng minh sức sống mãnh liệt và sự trường tồn của dân tộc Việt Nam.

Có thể nói, trong văn hoá dân tộc, trang phục, đặc biệt là trang phục phụ nữ, là cái mà ở đó bản sắc dân tộc biểu hiện rõ rệt, thường xuyên và lâu bền nhất.

Ví dụ: Bản sắc văn hóa thể hiện trên trang phục truyền thống của dân tộc Việt Nam:

- Áo yếm
- Áo tứ thân
- Áo Bà Ba
- Áo dài

Trong đó chiếc áo dài trở thành trang phục truyền thống đặc trưng của dân tộc Việt Nam. Thông qua từng trang phục, nó thể hiện được bản sắc văn hóa qua các thời kỳ, qua từng vùng, miền, tạo ra nét đặc trưng riêng cho dân tộc Việt Nam.

Kết luận: Bản sắc văn hoá dân tộc là toàn bộ những phong tục tập quán của một cộng đồng người cùng sống trên một lãnh thổ có cùng ngôn ngữ, có những truyền thống được đúc kết trong quá trình lịch sử lâu dài được duy trì và phát huy tạo ra một nét riêng, một phong cách riêng của một dân tộc.

2. Sự phát triển văn hoá mặc của người Việt Nam

2.1. Cơ sở lý luận

Dân tộc Việt Nam đã có bốn nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước oanh liệt với một nền văn hoá phong phú, độc đáo, lâu đời. Nền văn hoá ấy đã được tìm hiểu và giới thiệu về nhiều mặt, nhưng vẫn còn những đối tượng chưa được tổng hợp thành những chuyên đề nghiên cứu, một khía cạnh văn hoá của dân tộc mà trước đây ít được quan tâm đó là vấn đề trang phục.

Cha ông ta đã từng đánh giá :

“Cái răng, cái tóc là gốc con người ”

Chỉ là một bộ phận nhỏ bé trong cơ thể con người nhưng có một vị trí xứng đáng bằng một gốc con người? Cần phải quan tâm đến chúng bằng một tỷ lệ thích đáng? Đúng vậy! Vì thực chất cha ông ta muốn nêu “Cái răng cái tóc” là đại diện cho một đối tượng lớn hơn nữa trong di sản văn hoá vật chất gắn liền với đời sống con người từ khi con người bắt đầu cư trú trên đây đất này với chùm lá thô sơ, để che thân, với tục xăm mình, nhuộm răng phổ biến ... cho đến những kiểu cách quần áo, mũ khăn, giày dép, đồ trang sức ... phong phú, phức tạp, mà ngày nay ta vẫn gọi chung là trang phục.

Vấn đề càng có ý nghĩa nếu ta nhìn nhận câu ca dao Việt nam :

“Hơn nhau tắm áo manh quần ,
Thả ra bóc trần ai cũng như ai”

Bằng “con mắt trang phục” thì bên cạnh nội dung khẳng định con người là bình đẳng (thả ra bóc trần ai cũng như ai), còn là vấn đề nói về giá trị văn hoá, xã hội của “cái áo, cái quần” (hơn nhau tấm áo manh quần). Đó là một thực tế phũ phàng: Trong chế độ cũ, vì “Cái áo cái quần ” mà biết bao con người lao động đã phải đau khổ lên tiếng :

“ Cha đòi cái áo rách này,

Mất chúng mất bạn vì mảy áo ơi ”

Mặc khác, nếu quan niệm cái áo, cái quần chỉ là những vật che thân đơn thuần thì mới chỉ nhìn bằng con mắt thực dụng. Lịch sử đã chứng minh rằng: Mang những ý nghĩa sâu sắc về mặt văn hoá, xã hội, về xu hướng thẩm mỹ của từng dân tộc, của từng con người, trang phục còn là biểu hiện của một nội dung quan trọng đó là tính chiến đấu

“ Đánh cho để dài tóc dài

Đánh cho để đen răng...”

Động viên đấu tranh bảo vệ nền độc lập dân tộc, giữ gìn nền văn hoá của nhân dân ta. Phong tục tập quán tốt đẹp của nhân dân, thói quen thẩm mỹ lâu đời của dân tộc là những điều gắn bó rất máu thịt, chỉ có thể biến đổi dần khi nhân dân tự nguyện thấy dần phải biến đổi, không một kẻ thù nào có thể thô bạo vi phạm, cấm đoán.

Mỗi dân tộc có một quá trình phát triển trang phục xuất phát từ những đặc điểm lịch sử, địa lý, kinh tế, phong tục, tập quán ... một nước bao gồm càng nhiều thành phần dân tộc, thì hình thức trang phục càng phong phú, đa dạng.

2.2. Môi trường và ảnh hưởng

Về mặt địa lý nước Việt Nam nằm trong vùng Đông Nam Á thuộc miền nhiệt đới ẩm thế đất kéo dài từ Bắc xuống Nam nên khí hậu miền Bắc và miền Nam có sự khác nhau .

- Miền Bắc bốn mùa xuân, hạ, thu, đông được phân biệt tương đối rõ rệt.

- Miền Nam ta thấy rất ít những ngày giá rét do ảnh hưởng của gió mùa có thể phân thành hai mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô.

- Đất nước Việt Nam có núi cao rừng rậm, có sông dài biển rộng, có đồng bằng bát ngát phì nhiêu, trung du trù phú.

- Những điều kiện hoàn cảnh địa lý, khí hậu đó đã thúc đẩy sự phát triển tính đa dạng về trang phục của nhân dân từng vùng để con người thích nghi và tồn tại.

Dân tộc Việt Nam bao gồm nhiều dân tộc trong đó người Việt có số dân đông nhất và là một trong những tộc người có gốc tích lâu đời trên đây đất này. Mỗi dân tộc đã có bản sắc văn hoá độc đáo. Do đó trang phục nói chung và của từng tộc người nói riêng thì thật phong phú.

- Bên cạnh chúng ta phải kể tới những nhân tố xã hội, những ảnh hưởng, giao lưu giữa nước ta với bên ngoài đã ảnh hưởng trực tiếp tới diện mạo, phong cách ăn mặc của các dân tộc nước ta.

Cùng với những bước tiến bộ về kinh tế, xã hội Việt Nam thời phong kiến cũng có

những biến chuyển đáng kể và phần nào đã ảnh hưởng tới ăn mặc. Thời kỳ này sự đa dạng phong phú sắc thái của các dân tộc, số lượng của nó cùng với thời gian ngày càng nhiều thêm lên, mà còn thấy sự phân hoá ngày càng rõ giữa các tầng lớp, các bộ phận cư dân ở nông thôn, sự biến đổi về trang phục chậm, bảo lưu đặc trưng y phục truyền thống bền chắc, tầng lớp trên (vua quan phong kiến) y phục biến đổi nhanh ảnh hưởng phong kiến Hán tộc.

2.3. Quá trình phát triển

- Quần áo xuất hiện ban đầu với vai trò bảo vệ cơ thể trước điều kiện khắc nghiệt của thiên nhiên khí hậu, thú dữ.....
- Quần áo biến đổi phát triển do nghề dệt phát triển.
- Quần áo biến đổi do chế độ xã hội biến đổi có sự xuất hiện giai cấp quần áo trở thành dấu hiệu phân chia giai cấp giữa tầng lớp giàu, nghèo.
- Quần áo với vai trò làm đẹp qua bàn tay của phụ nữ.
- Quần áo càng đa dạng phong phú hơn khi do ảnh hưởng, giao tiếp với các nước, các dân tộc láng giềng. Tuy nhiên, thông qua sự đa dạng, muôn vẻ dân tộc, địa phương, ta vẫn thấy ở chúng có nét chung, gần gũi, thể hiện qua từng nhóm, từng vùng. Hoàn toàn có thể nói rằng, trang phục chính là một trong những sắc thái nổi bật nhất của văn hoá dân tộc. Tuy nhiên bản sắc văn hoá dân tộc không phải là:

Cái gì “nhất thành bất biến”

Mà là “nhất thành vạn biến”

Biến đổi không ngừng tùy theo từng hoàn cảnh lịch sử cụ thể, nhưng vẫn giữ cái cốt cách, cái nền tảng ban đầu, đó chính là qui luật kết hợp truyền thống và đổi mới của văn hoá, của trang phục.

Ở nước ta, có 54 dân tộc anh em cùng chung sống trong đó người Kinh chiếm số đông ở đồng bằng và đô thị, dân tộc ít người sinh sống ở miền núi, các dân tộc sống hoà trộn, đan cài nhau các dân tộc với cách thức ăn mặc khác nhau đó là do sự biểu hiện qua dáng vẻ, màu sắc khác nhau, góp phần làm cho vườn hoa toả trăm hương, khoe màu sắc trong vườn hoa đại dân tộc Việt.

Về bản chất, trang phục của dân tộc ở Việt Nam, thể hiện những đặt trưng của trang phục cư dân vùng nhiệt đới nóng ẩm phương Nam. Đó là vùng mà vải mặc dệt từ các loại sợi, vỏ cây và sau này là các loại bông, áo quần không phong phú về kiểu loại, ít có sự khác biệt giữa trang phục nam và nữ, màu sắc và trang trí giản dị. Kiểu loại thường là váy, khố, áo ngắn xẻ ngực, áo yếm, không có áo da và lông, nón tránh mưa nắng, đi chân đất, sau mới dùng guốc. Có được diện mạo trang phục như ngày nay, các dân tộc ở nước ta trải qua các quá trình hình thành và cải biến không ngừng, cùng với quá trình phát triển, kinh tế, xã hội và văn hoá. . .

CÂU HỎI BÀI TẬP CHƯƠNG 1

Câu 1: Hãy phân tích các yếu tố bản lĩnh hình thành nên bản sắc dân tộc Việt Nam.

Câu 2: Nêu một số nét văn hóa trong đời sống vật chất và tinh thần mang đậm phong cách của người Việt Nam

Câu 3: Trình bày quá trình hình thành và các yếu tố ảnh hưởng sự phát triển bản sắc văn hóa mặc của người Việt Nam, hình ảnh trang phục tiêu biểu nào thể hiện bản sắc riêng của dân tộc Việt Nam

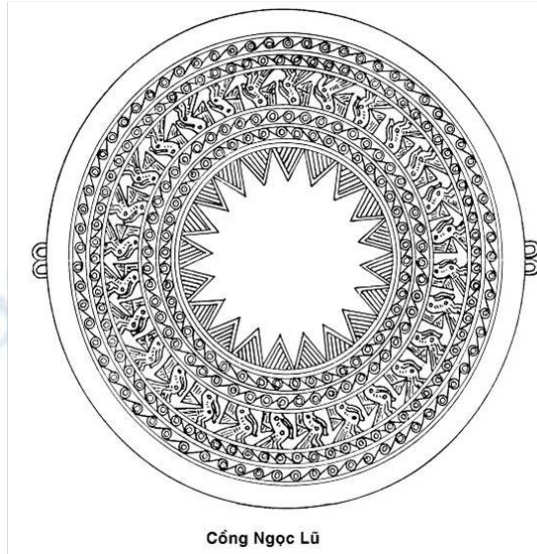
Câu 4: Tìm ít nhất (05) Câu ca dao, thơ hoặc đoạn văn nói về cách phục trang của nhân dân ta qua các thời kỳ và hình ảnh minh họa cho các chủ đề trên.

Câu 5: sưu tầm (05 mẫu) tranh, ảnh mô tả nếp sống làng quê thể hiện nền văn hóa lúa nước của nhân dân ta.

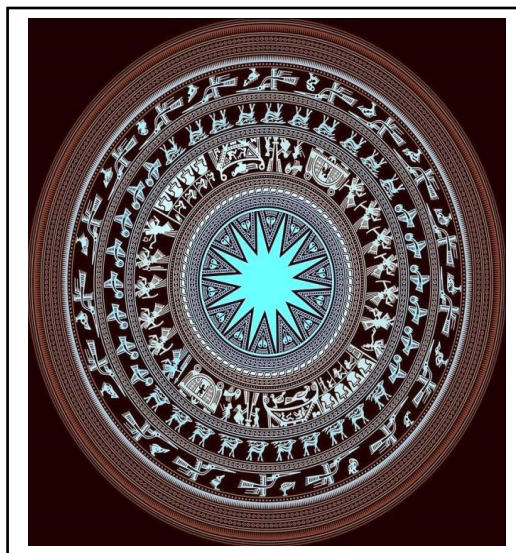
Câu 6: Hãy phân tích và tìm hình ảnh minh họa bản sắc văn hóa Việt Nam được thể hiện qua các thể loại trang phục truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Chương II : LỊCH SỬ TRANG PHỤC VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KỲ

Trang phục mang đậm dấu ấn của người Việt; Trang phục thời Hùng Vương; thời Phong kiến; thời Pháp thuộc; trang phục sau 1945; trang phục từ 1975 đến nay; trang phục các dân tộc thiểu số. Nghiên cứu các kiểu trang phục, trang sức, trang điểm của từng thời kỳ ta tìm hiểu được nhiều khía cạnh về đời sống, về mối quan hệ xã hội thời đó.



Hình 2.1. Cồng chiên mô phỏng trang phục thời Hùng Vương



Hình 2.2. Trống đồng mô phỏng trang phục thời Hùng Vương

I. TRANG PHỤC THỜI HÙNG VƯƠNG**1. Trang phục đàn bà, đàn ông (hình 2.3, 2.4)**

Cách đây khoảng bốn nghìn năm lịch sử với thời đại đồng thau phát triển người dân sinh sống bằng săn bắn hái lượm và trồng trọt, giờ họ không dùng vỏ cây nữa mà đã biết trồng đay, gai, trồng dâu, nuôi tằm ươm tơ dệt vải. Đó là thời đại của các vua Hùng nổi hiệu trống đồng dựng nước Văn Lang, là thời đại mở đầu dựng nước, hình thành những nền tảng cơ bản văn hoá Việt Nam, con người dân tộc Việt Nam "nhất thành" để mãi mãi sau đó "vạn biến" nhưng vẫn giữ lại cốt cách ban đầu. Thời kỳ này với những bước tiến vượt bậc trong nghề nông, luyện kim, các nghề thủ công, trong đó có dệt vải, sử dụng sợi vỏ cây hoang dại, cây đay, cây gai, đã nuôi tằm, ươm tơ lấy sợi dệt vải ngoài loại vải thô đã dệt được những thứ vải mỏng mịn như tơ tằm, tơ chuối.



Hình 2.3. Trang phục và trang sức vào dịp lễ hội

Thông qua những pho tượng những bức phù điêu, tranh dân gian, sách lịch sử, chân dung nhân vật lịch sử hay những hiện vật khảo cổ như trống đồng, tượng đồng, đồ gốm và các hiện vật khác đã giúp người thời nay hình dung ra một cách tương đối chính xác cách thức ăn mặc của các dân tộc nước ta thời dựng nước.

- Phụ nữ mặc áo yếm cổ sát có thêu thùa, mặc ngoài bằng áo ngắn xẻ ngực không cài khuy, có khi mặc váy kín hoặc hở (dân tộc Kinh, Mường).
- Đàn ông đóng khố thả đuôi khố về phía trước hoặc sau.
- Màu sắc thường dùng là màu vàng, đen, đỏ nâu, xám nhạt, vàng nhạt, chất liệu màu vẽ là sơn, sơn ta nguyên chất không phai khi thấm nước

Do điều kiện khí hậu và sinh sống, người dân thường lên rừng săn bắn, hái lượm, hay xuống biển bơi lặn đánh cá, hoặc làm ruộng lúa nước vất vả, nên đầu tóc phải gọn gàng. Vì vậy đàn ông và đàn bà thường cắt tóc ngắn đến ngang vai hoặc thỉnh thoảng có hình thức buộc túm sau đầu rồi thả dài xuống gáy, một số ít người cắt ngắn đến chân tóc, cả đàn ông và đàn bà cắt tóc ngắn hoặc búi tóc sau gáy.

Vào dịp lễ hội người Việt cổ mặc áo lông chim hoặc các trang phục bằng vải thô dệt từ sợi đay hoa văn trang trí là hình mặt trời hay hình rồng.



Hình 2.4. Trang phục thời Hùng Vương

2. Trang phục chiến binh

Trang phục chiến binh là bao ống tay, bao ống chân bằng đồng và mảnh giáp trước ngực hình vuông, hình chữ nhật, có trang trí hoạ tiết hình chim, hình cá sấu cách điệu, các hoa văn hình chữ X, chữ S nằm ngang, những chấm, những vòng tròn có chấm ở giữa, những đường vạch song song.

Đai lưng bằng đồng rộng khoảng 5cm có khoá to bản được hình thành bởi nhiều miếng liên kết với nhau bằng những cái móc. Trên bề mặt mỗi miếng đều có hoạ tiết hình rùa hoặc chim, có đính thêm nhiều quả nhạc nhỏ.

3. Hình thức trang sức, trang điểm phổ biến thời Hùng Vương (hình 2.5, 2.6)

Trang sức phổ biến là nam nữ đều xâu lỗ tai và đeo đồ trang sức hình tròn hình vành khăn làm trái tai xệ xuống vai, đeo chuỗi nhẫn bằng đá hoặc bằng đồng. Đặc biệt là có những vòng hoa tai gắn quả nhạc hay đôi hoa tai bằng đá, hình con thú.

Những chuỗi hạt thường thấy gồm các hạt hoặc hình trụ, hình trái xoan, hoặc hình cầu, vòng tay với tiết diện nhiều hình khác nhau: Tròn, vuông, chữ nhật, lòng máng, sóng trâu ...có trang trí hoa văn hình lông chim hay bông lúa. Chất liệu làm bằng đá màu vàng màu xám, nhiều màu hoặc bằng đồng thau có loại bằng thuỷ tinh, bằng ngọc. Ngoài ra còn nhiều loại nhẫn bằng đồng đeo ở ngón tay, có gắn quả nhạc dài xinh xắn.

Tuy những đồ trang sức còn thô sơ, nhưng với điều kiện kỹ thuật chế tác hạn chế, ta thấy con người thời đó đã có trình độ thẩm mỹ và óc tưởng tượng cao, đã quan tâm nhiều đến việc làm đẹp cho thân thể, đồng thời thể hiện bàn tay khéo léo, cần cù lao động.

- Đàn ông, đàn bà đều nhuộm răng đen và có tục ăn trầu.

nhiều dân tộc cùng chung sống thời dựng nước, mà ngày nay, chúng ta có thể nhận biết được nhờ so sánh với bộ trang phục của các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc nước ta hiện nay.

II. TRANG PHỤC THỜI PHONG KIẾN

(hình 2.7, 2.8)



Hình 2.7. Áo tứ thân



Hình 2.8. Trang phục nho học

Thời kỳ này, nước ta trải qua hàng nghìn năm Bắc thuộc và sau khi giành được độc lập, kế tiếp các triều đại phong kiến Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Nguyễn, trải dài suốt gần hai mươi thế kỷ.

Đó là thời kỳ dựng nước và giữ nước oanh liệt của ông cha ta, nhờ thế mà dân tộc, đất nước không ngừng lớn mạnh, văn hoá dân tộc không những không bị mai một mà ngày càng phong phú, đa dạng hơn. Suốt gần hai mươi thế kỷ, văn hoá dân tộc nói chung, trong đó có trang phục, chịu những tác động, mà trên cơ sở đó, những vốn ban đầu thời dựng nước nhập vào biến đổi không ngừng. Trước nhất, đó là sự phát triển của nền kinh tế nông nghiệp là cơ sở cho sự tồn tại và phát triển của các triều đại phong kiến, của văn hoá dân tộc. Trong nông nghiệp truyền thống các nghề thủ công phát triển, nhất là nghề dệt, bước đầu hình thành các làng thủ công, các công trường thủ công khai khoáng, thương nghiệp. Giao lưu hàng hoá giữa các vùng, địa phương trong nước, các quan hệ thương mại với nước ngoài được đẩy mạnh hơn.

1. Trang phục thời Đinh – Lê

Vào nửa sau thế kỷ III TCN, Thục Phán, một thủ lĩnh người Âu Việt từ miền trên đã tràn xuống đánh chiếm nước Văn Lang, thống nhất hai lãnh thổ, dựng nên nước Âu Lạc, dời đô từ miền núi xuống đồng bằng. Thời kỳ này đồ sắt phát triển, trong thời kỳ này đất

nước Âu Lạc bị Triệu Đà xâm lược, cai trị, cộng với ba lần bị phong kiến phương Bắc thống trị hơn một ngàn năm (207 trước công nguyên - 939), nhân dân ta một mặt đấu tranh với kẻ thù thống trị, nhưng một mặt tích cực phát triển sản xuất. Nghề dệt đã có những phát triển quan trọng. Nghề trồng dâu nuôi tằm đã phổ biến và còn sản xuất được các loại vải bông thô, vải đay, vải gai, vải cát bá loại mịn, lụa... đã biết dùng tơ tre tơ chuối (vải giao chỉ) dệt thành vải, khăn thêu thùa rất đẹp, nhiều đồ trang sức bằng vàng bạc.

Đầu triều đại nhà Đinh (968-980) về trang phục chủ yếu trang phục trong triều đình mũ, áo, màu sắc ít nhiều có sự kế thừa hoặc sáng tạo về hình loại, kiểu cách, màu sắc nhưng đáng trách hơn cả vẫn là sự sao chép một cách nô lệ của vua quan thời đó tạo một tiền đề lai căng cho những kiểu mẫu trang phục về sau... Tuy nhiên trong những thời kỳ chế độ phong kiến ổn định, thì càng về sau, trang phục cũng đã dần được qui định cho từng thành phần trong xã hội (vua, quan, dân...) cho mọi nghi thức trong cuộc sống (cưới, tang, lễ, hội) căn cứ trên hình thức, màu sắc, hoạ tiết trong trang phục ở từng giai đoạn, sự phân biệt mang tính chất giai cấp đã được hình thành rõ rệt.

2. Trang phục thời Lý - Trần (hình 2.9, 2.10)

Trang phục Triều đình: (1009-1225), Kinh đô từ Hoa Lư dời về thành Đại La gọi là Thăng Long năm 1054, đặt tên nước là Đại Việt. Sau những đêm dài tăm tối, nước Đại Việt vươn mình trong ánh sáng rực rỡ của một quốc gia phong kiến độc lập, với qui mô xây dựng toàn diện, đây là cơ sở vững chắc cho sự phát triển mạnh mẽ của đất nước và dân tộc. Vua đứng đầu triều đình, dưới có chín phẩm cấp quan văn, võ và các cơ quan chuyên trách. Nền kinh tế phát triển mọi mặt, nhà nước có cơ sở nuôi tằm dệt lụa, dệt được các loại gấm, vóc, lụa, đoạn... nhiều màu có hoạ tiết trang trí đặc sắc.

Năm 1040, nhà vua chủ trương dùng gấm vóc trong nước để may lễ phục mà không dùng gấm vóc của nhà Tống.

Năm 1059 vua Lý Thánh Tông quy định chặt chẽ hơn triều phục khi vào chầu vua, các quan phải đi tất, đi hia và đội mũ phác đầu (4 góc, 4 tai), áo bào tía, cầm hốt ngà, thắt đai da. Bình phục đã khá quy cũ: Mũ trùm kín tai, áo dài đến đầu gối, cánh tay bó sát. Áo giáp mặc ngoài được trang trí bằng các đường xoắn ốc, bông hoa, quả nhạc.... chân đi hia cao.

Năm 1300 đến 1395 có sự củng cố một bước hệ thống quan lại triều đình cùng với nó là những qui định về phẩm phục theo thứ bậc, theo bên văn và bên võ. Nhiều lần triều đình có những quy định về phẩm phục.

- Quan văn đội mũ chữ đình màu đen, tay áo các quan văn, võ rộng từ 90cm đến 1mét, áo các quan văn quan võ :

* Nhất phẩm thì màu tía.

* Nhị phẩm màu đại hồng.

- * Tam phẩm màu đào hồng.
- * Tứ phẩm và ngũ phẩm màu lục.
- * Thất phẩm màu biết.
- * Bát và cửu phẩm màu xanh.
- Người không có phẩm hàm và nô bộc màu trắng.
- Trang phục thường dân không được mặc giống vua quan về màu sắc và hoa văn (không mặc áo màu vàng hình rồng).



Hình 2.9. Trang phục thời Lý - Trần

• Đôi hia của vua
khải Định



• Đôi hài của vua
Bảo Đại



Hình 2.10. Đôi hia và hài thời Lý - Trần

3. Trang phục thời hậu Lê (hình 2.11, 2.12, 2.13)

Năm 1429 - 1767 Lê Lợi vẫn lấy tên nước là Đại Việt kinh đô Thăng Long đổi tên là Đông Đô (Đông Kinh) cũng cố chế độ phong kiến theo "khuôn vàng thước ngọc" nếp sống xã hội được qui định bằng các thứ luật lệ chặt chẽ trang phục được đề ra tỉ mỉ hơn.

4. Trang phục thời Nguyễn

Năm 1802 trang phục thời kỳ này lai căng giặc phương Bắc và thời Pháp thuộc. Cuối thời phong kiến các bà các chị đã thay thế chiếc váy bằng chiếc quần đen rộng thùng thình thuận tiện hơn trong lao động và sinh hoạt, áo tứ thân cũng được cải biên bằng chiếc áo dài nhưng vẫn giữ nguyên dáng áo xẻ tà tay may liền như áo cánh cổ cài nút bấm lệch sang một bên nách.



Hình 2. 11. Trang phục Quan triều Nguyễn (Cung đình Huế)



Hình 2.12. Áo Long bào, áo Hoàng thái hậu triều Nguyễn

Tóm lại :

Trải qua các triều đại trang phục Việt Nam thể hiện sự phân chia giai cấp rõ rệt Vua mặc áo Long bào, Hoàng bào thắt đai lưng đầu đội mũ chân đi hia, các quan trong triều trang phục tương tự nhưng khác màu và hoạ tiết. Người lao động trang phục đơn giản đàn ông búi tóc cỡi trần ngực xăm hình. Phổ biến đàn bà vẫn mặc áo yếm, khi ra đường mặc

thêm áo cánh hoặc áo tứ thân thường không cài nút buộc hai vạt với nhau hoặc buông thả và dùng dây lưng thắt ngang eo. Áo tứ thân trở thành trang phục điển hình của phụ nữ Việt Nam thời phong kiến.



Hình 2.13. Áo tứ thân và áo the nam kinh Bắc

III. TRANG PHỤC THỜI PHÁP THUỘC

Năm 1802-1945 Thời Pháp thuộc trên cơ sở diện mạo trang phục các dân tộc nước ta đã hoàn chỉnh và định hình, ngay trong những điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá mới, nó lại bước vào giai đoạn cách tân và biến đổi có hai nhân tố quan trọng trực tiếp tác động đến trang phục đó là:

- Sự tiếp xúc văn hoá giữa Đông và Tây (giữa Việt Nam phong kiến và nước Pháp tư bản chủ nghĩa) đã gây ra sự tác động nhiều mặt tới sự phát triển văn hoá nước ta.

- Bản thân chế độ phong kiến Việt Nam đang thời kỳ suy thoái nảy sinh mầm móng tư bản chủ nghĩa (xã hội này sinh nhiều biến động, xuất hiện các tầng lớp tư sản, trí thức mới, công chức...), sự thức tỉnh ý thức tự cường dân tộc, chống lại sự đô hộ của bọn tư bản thực dân đã trực tiếp ảnh hưởng tới xu hướng biến đổi và phát triển của văn hoá nói chung và ăn mặc nói riêng, thời kỳ này thể hiện có hai xu hướng:

- + Cải biến cái vốn có của mình

- + Tiếp nhận những nhân tố mới của phương tây vào ăn mặc của một số tầng lớp xã hội nước ta, nhất là thành thị. Trong khi đó cung cách ăn mặc ở nông thôn về cơ bản không có gì thay đổi so với giai đoạn trước.

1. Ở thành thị

Nam giới tiếp thu kiểu mặc Châu Âu như áo somi, quần âu, áo veston, cà vạt, mũ phớt, giày da. Nữ thành thị cải biến cái truyền thống, để cách tân nó phù hợp với điều kiện mới là cải biên và sáng tạo chiếc áo dài tân thời (Lơ muya) mà sau này là đặc trưng của nữ phục Việt Nam.

Những năm 30 ở Hà Nội tầng lớp thượng lưu và trung lưu trước phong trào Âu hoá, cải biến chiếc áo dài của họa sĩ Lê Phổ và Cát Tường đó là chiếc áo dài năm thân cổ xưa mà tầng lớp giàu có thường mặc với cổ áo rộng thùng thình, cổ áo to cao che kín cổ người, gấu, nếp, tà may to bản, chắc chắn nhưng nặng nề Lê Phổ cải biên hướng vào sự thu nhỏ cổ, gấu, tà áo, thu hẹp thân áo cho gọn nhỏ, khít thân hơn có thể thấy trên những bức tranh Tô Nữ. Cát tường còn đi vay mượn các loại cổ ống tay áo của các phụ nữ Châu âu thời thượng đưa vào áo dài, làm kiểu cổ dài, tay nhọn hay cổ xoè to như hình lá sen, vai áo phồng, cổ tay loe hình phễu...Sau đó cải biên bó ôm phần ngực, nâng cao tầm hông, tạo dáng mềm mại, nữ nang cơ thể phụ nữ.

2. Ở miền Bắc (hình 2.14)

Cùng với chiếc áo dài chiếc quần được mặc phổ biến trong các giới thị dân ngoài quần đen bằng vải tốt, còn mặc quần trắng, áo nhún ở eo, cửa tay loa, áo khoét cổ.



Hình 2.14. Áo dài cách tân & Áo Yếm thời Pháp thuộc

3. Ở miền Nam (hình 2.15, 2.16)

Đặc biệt là thành thị chiếc áo Bà Ba truyền thống cũng được chị em chú trọng cải tiến theo hướng sử dụng các loại vải ngoại đẹp, nhiều màu sắc phù hợp với từng lứa tuổi chứ không phải là loại Bà Ba may bằng vải ú mộc mạc, màu đen, màu dưa cải hay "cặn rượu" như trước kia. Về kiểu may cắt, nhấn thêm eo cho gọn sát với thân hình, tạo ra kiểu cổ đa dạng và kiểu tay khác nhau. Trang sức cũng được cải biến, các kiểu chải tóc, bới

tóc, uốn tóc theo kiểu Châu Âu, sử dụng các loại phấn son, nước hoa, các loại khăn, guốc dép...



Hình 2.15. Áo Bà Ba cải tiến

Tóm lại:

Trang phục thời kỳ Pháp thuộc diễn ra những thay đổi đáng kể, tuy nhiên những thay đổi này vẫn là sự đổi mới, cách tân trên cơ sở truyền thống.



Hình 2.16. Gia đình Tư sản thời Pháp

IV. TRANG PHỤC TỪ SAU NĂM 1945

Trang phục từ sau năm 1945 vẫn theo xu hướng đổi mới những cung cách ăn mặc truyền thống của mình, tuy nhiên lại diễn ra trong điều kiện kinh tế - xã hội có nhiều khác biệt với thời Pháp thuộc. Thời kỳ này với cách mạng tháng Tám thắng lợi, khai sinh nước

Việt Nam dân chủ cộng hoà, tiếp theo là cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ của dân tộc ta. Giai cấp phong kiến với toàn bộ cung cách sinh hoạt, ăn mặc của nó bị thủ tiêu.

Những năm gian khổ kháng chiến đã tạo môi trường để mọi người hoà hợp gần gũi nhau về cách ăn mặc: Nông dân, cán bộ đều mặc áo cánh nâu, đen, hoặc áo màu vàng với quần đen, đội nón, vấn tóc hay chải kẹp sau gáy đi chân không hay đi dép cao su gọn nhẹ. Nam giới mặc áo trấn thủ hay áo đại cán.

1. Ở nông thôn và chiến khu Miền nam (hình 2.17)

Nông dân cán bộ mặc áo Bà Ba đen hay thâm màu, quần đen khăn rằn quần cổ hay đội đầu, búi tóc sau ót, thời kỳ này ở nông thôn miền Bắc thấy ít dần những người mặc áo tứ thân, áo yếm còn ở Miền nam khi ra ngoài phụ nữ vẫn hay mặc thêm chiếc áo dài màu sáng, có khi màu trắng. Trong khi đó các đô thị vùng tạm chiếm, xu hướng mặc tân thời từ những năm 30 vẫn tiếp tục.



Hình 2.17. Trang phục vùng Nam Bộ

Từ sau hoà bình lập lại 1954 Miền Bắc đi vào xây dựng Chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất đất nước, miền Nam sống dưới chế độ thực dân mới của Mỹ, do vậy cung cách ăn mặc và xu hướng của hai miền vẫn có sự khác nhau. Do mối quan hệ được mở rộng giữa nước ta và thế giới, các làn sóng mới xuất hiện ở đô thị tạo nên những thay đổi đáng kể về thị hiếu và cung cách ăn mặc của mọi người, nhất là thế hệ trẻ.

Cả hai miền Nam Bắc xu hướng phát triển y phục vẫn là sự kết hợp tính dân tộc và tính hiện đại, quốc tế tuy nhiên do chế độ xã hội chính trị khác nhau, điều kiện kinh tế khác nhau nên phương thức và nhịp độ khác nhau. Nếu như ở miền Bắc sự biến đổi trong ăn mặc thể hiện sự đồng đều, xóa nhòa dần sự cách biệt giữa nông thôn và thành thị, giữa

các tầng lớp xã hội, tiết kiệm, giản dị hơn, thì ở thành thị miền Nam, chạy theo một nước ngoài với nhịp độ mạnh mẽ hơn, làm cho sự cách biệt thành thị, nông thôn, giữa các giai cấp và tầng lớp xã hội rõ rệt hơn.

2. Ở Miền Bắc (hình 2.18)

Trang phục không có sự cách biệt giữa nông thôn và thành thị, giữa các tầng lớp xã hội, tiết kiệm giản dị hơn, còn rải rác các bà mặc váy phần đông chuyển sang mặc quần ngã năm, thành thị có nhiều nữ thanh niên mặc quần âu tiếp thu các loại áo sơ mi và cải tiến với đủ mọi kiểu dáng, chiếc áo cánh với nhiều kiểu dáng cải tiến như cắt sát eo hơn chứ không rộng và thẳng như trước, vạt áo lượng vòng, hạ thấp tà hông, chít ply trước ngực và sau lưng với đủ các loại cổ vuông tròn, hình trái tim, màu sắc đa dạng màu nâu, lục xanh, trắng, vải hoa. Sự cải tiến chiếc áo yếm cổ thuyền được thay thế bằng áo nịch ngực Châu Âu góp phần làm tôn thêm vẻ đẹp hình thể của phụ nữ.

Thời kỳ này hình ảnh người phụ nữ mới Việt Nam vừa sản xuất vừa chiến đấu: Quần đen áo cánh bó sát thân thắt lưng da to bản, đầu chít khăn mỏ quạ, chân đi dép cao su, vai khoác súng trường.

Áo sơ mi không ngừng được cải biến như chít ply, các loại cổ ve áo, khuy, tà, nẹp, măng-sét... vốn là loại áo tiếp thu từ Châu Âu nhưng phụ nữ nước ta đã cải tiến nó thành nhiều loại, mang sắc thái "Việt Nam". Đã có thời kỳ phụ nữ ưa thích loại áo sơ mi chít ply thích hợp với dáng hình cân đối, nở nang của mình. Rồi những năm 60, đầu những năm 70 rộ lên một sômi Hồng Kông thân thẳng, hơi bó, tay dài, măng sét các loại cổ lá sen đứng, sen nằm, sen vuông ve nhọn

Cùng với nhịp sống mới, công nghiệp, phụ nữ thành phố không mặc áo dài thường xuyên như trước kia khi ra đường đi học, đi chợ mà chỉ dùng trong các dịp lễ lớn, cưới xin, tiếp khách quốc tế, đi nước ngoài...

Các loại áo mùa đông cũng khá phong phú đa dạng về kiểu loại không chỉ mặc ấm mà còn là một trang trí được ưa chuộng, việc dùng mỹ phẩm trong số ít người, các kiểu tóc được chú ý hơn.



Hình 2.18. Đặt trưng trang phục ba miền

3. Ở Miền Nam (hình 2.19, 2.20)

Sau hơn hai mươi năm sống dưới chế độ thực dân mới của Mỹ- Ngụy bảo lưu và cải tiến theo chiều hướng kết hợp dân tộc với hiện đại, giản dị với chiếc quần màu đen, áo Bà Ba, khăn rằn khi cần khoác chiếc áo dài tân thời. Ở thành thị chiếc áo dài được cải tiến tạo nên phong cách địa phương độc đáo: áo dài tím Huế áo dài trắng, hoa vạt ngắn tới đầu gối của nữ sinh, thiếu nữ Sài Gòn, xuất hiện áo dài không cổ không tay mặc với quần sa tanh đen những năm này cũng ra đời chiếc áo dài Trần Lệ Xuân với kiểu cổ khoét ngang, trễ xuống ngực xê tà cao, khi mặc hở lườn, nhưng không được ưa chuộng trong nhân dân, áo dài vẫn tiếp tục tìm tòi cải biến với các loại cổ tròn, vuông, nhọn... tay áo ngắn, tà áo dài, ngắn, thân bó sát, thắt eo đến cuối năm 60 ra đời kiểu áo dài mini không khác gì áo dài Sài Gòn ngày nay, được nhiều người cả nước ưa chuộng: tà áo hẹp, vạt ngắn tới gối, cổ cao tay Raglan, cánh tay ngắn, cửa tay rộng May từ chất liệu đẹp, quý, với màu sắc đa dạng, thêu hoa với đủ cỡ , rồng, phượng.